

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : Phát triển du lịch bền vững
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : Sustainable tourism development.
- Mã học phần : HM3035
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần : ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Thuộc thành phần
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Du lịch
- Số tín chỉ : 3(3,0)
- Phân bổ thời gian : Lý thuyết: 45 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 105 giờ
- Học phần tiên quyết : Không có
- Học phần học trước : Quản trị học.
- Học phần song hành : Không có

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam hướng tới phát triển đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Giúp người học phân biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong phát triển du lịch bền vững; marketing trong du lịch bền vững; các chiến lược quản lý du khách tại điểm đến; phương pháp lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Người học được

hoàn thiện các kỹ năng mô tả, chứng minh được sự phát triển bền vững của một điểm đến hoặc một dự án du lịch; chỉ rõ được sự khác biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, chỉ rõ chiến lược marketing bền vững của các tổ chức quản lý điểm đến, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng được kế hoạch phát triển du lịch bền vững tại một điểm đến hoặc một địa phương.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hiểu biết kiến thức về phát triển du lịch bền vững nhằm giúp du khách và các tổ chức du lịch có trách nhiệm xã hội, kinh tế và môi trường sống.
O2	Đánh giá được các hoạt động du lịch tác động ra sao đến sự phát triển của du lịch trong không gian/bối cảnh cụ thể.
Kỹ năng	
O3	Thực hiện những kỹ năng tư duy sáng tạo để thay đổi nhận thức trong kinh doanh và phát triển du lịch bền vững cho các bên có liên quan.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Luôn có ý thức giữ gìn và nhắc nhở mọi người xung quanh cùng giữ gìn vệ sinh môi trường sống

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1	CLO1: Giải thích ý nghĩa, tác động và hạn chế của ngành công nghiệp du lịch.	PLO3,4
	CLO2: Mô tả đặc điểm, nguyên tắc, mục tiêu của du lịch bền vững, lợi ích và nhu cầu của du lịch bền vững	PLO3, PLO4
	CLO3: Trình bày quan điểm 3D về du lịch bền vững.	PLO3, PLO4
Kỹ năng		
O2	CLO4: Tổng hợp các chiến lược cho việc phát triển du lịch bền vững và các ngành dịch vụ với phương pháp tiếp cận xanh	PLO3, PLO4
	CLO5: Lập nên chiến lược hành động để phát triển du lịch bền vững tại một địa phương cụ thể.	PLO11,12
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O3	CLO6: Luôn có ý thức trong học tập. Giữ gìn và nhắc nhở mọi người xung quanh cùng giữ gìn vệ sinh môi trường sống.	PLO10

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	<i>Giới thiệu đề cương môn học, các qui định và yêu cầu của môn học</i> 1. CÁC KHÍA CẠNH CỦA DU LỊCH 1.1 Giới thiệu 1.2 Sơ lược về sự phát triển của du lịch 1.3 Khái niệm tổng quan về du lịch 1.4 Du lịch với tư cách là một ngành công nghiệp 1.5 Du lịch như một tầm nhìn để phát triển đất nước 1.6 Ý nghĩa của ngành du lịch 1.7 Tác động của ngành du lịch 1.8 Hạn chế của ngành du lịch 1.9 Kết luận	5	0	7		
Bài 2	2. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DU LỊCH BỀN VỮNG 2.1 Giới thiệu 2.2 Du lịch bền vững như một khái niệm. 2.3 Đặc điểm của du lịch bền vững. 2.4 Các nguyên tắc của du lịch bền vững 2.5 Mục tiêu của du lịch bền vững	9	0	21		30

		Số giờ				
Số TT	2.6 Các khía cạnh cơ bản của du lịch bền vững Nội dung <i>(Tên bài giảng)</i> 2.7 Du lịch bền vững so với du lịch thông thường 2.8 Mối quan hệ giữa du lịch sinh thái và du lịch bền vững 2.9 Sự khác biệt giữa du lịch có trách nhiệm và du lịch bền vững 2.10 Lợi ích của du lịch bền vững 2.11 Sự cần thiết phải phát triển loại hình du lịch bền vững. 2.12 Nhu cầu du lịch bền vững. 2.13 Kết luận					TỔNG G
Bài 3	3. QUAN ĐIỂM 3-D VỀ DU LỊCH BỀN VỮNG: CÁC CHIỀU HƯỚNG PHÁT TRIỂN 3.1 Giới thiệu 3.2 Các khía cạnh văn hóa - xã hội. 3.3 Các khía cạnh môi trường - trách nhiệm với môi trường 3.4 Các khía cạnh kinh tế -sức khỏe kinh tế. 3.5 Kết luận	6	0	14		20
Bài 4	4. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN TRONG DU LỊCH BỀN VỮNG 4.1 Giới thiệu. 4.2 Chiến lược hành động của Chính phủ để phát triển du lịch bền vững.	6	0	14		20

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)					TỔNG G
	4.3 Chiến lược hành động của ngành du lịch để phát triển du lịch bền vững 4.4 Chiến lược hành động của du khách để phát triển du lịch bền vững. 4.5 Chiến lược hành động của tổ chức phi chính phủ để phát triển du lịch bền vững. 4.6 Kết luận					
Bài 5	5. CÁC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHO DU LỊCH BỀN VỮNG 5.1 Giới thiệu 5.2 Chiến lược tiếp thị 5.3 Phát triển cơ sở hạ tầng 5.4 Cải thiện các điểm du lịch. 5.5 Lập kế hoạch điểm đến tổng hợp. 5.6 Phát triển nguồn nhân lực. 5.7 Quy trình đánh thuế và khuyến khích cho du lịch bền vững 5.8 Khuyến nghị đối với chính phủ 5.9 Kết luận.	6	0	14		20
Bài 6	6. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN XANH CỦA CÁC TRUNG GIAN DU LỊCH 6.1 Giới thiệu. 6.2 Sự cần thiết của một chiến dịch đi-xanh trong du lịch. 6.3 Khái niệm về khách sạn xanh	9	0	21		30

		Số giờ				
Số TT	6.4 Các nhu cầu hiện tại của khách hàng. Nội dung (Tên bài giảng) 6.5 Các hoạt động thích ứng xanh do các khách sạn thực hiện 6.6 Lợi ích cho chủ khách sạn 6.7 Khái niệm xanh hóa du lịch hàng không 6.8 Điều chỉnh xanh do các hãng hàng không thực hiện 6.9 Tóm tắt về các hãng hàng không xanh - của ngành vận tải hàng không 6.10 Các rào cản đối với việc thích ứng với “các liệu pháp xanh” trong các hãng hàng không 6.11 “Các liệu pháp Go-Green” được hành khách đi máy bay áp dụng 6.12 Phát triển tổng hợp du lịch thông qua “các liệu pháp xanh”. 6.13 Kết luận Ôn tập					TỔNG G
TỔNG		45	0	105		150

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng, thảo luận, đàm thoại gợi mở.

6.2. Phương pháp học:

- Ghi chú, trả lời câu hỏi gợi mở và tranh luận, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, bài tập nhóm, tiểu luận nhóm.

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học:

[1] Lê Văn Khoa (Chủ biên) - Đoàn Văn Tiến - Nguyễn Xong Tùng - Nguyễn Quốc Việt (2015). *Môi Trường Và Phát Triển Bền Vững*. Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo:

[1] Dr. Ananya Mitra (2018). *Steps towards Sustainable Tourism*. Cambridge Scholars Publishing

[2] Anukrati Sharma, PhD (2020). *Sustainable Tourism Development*. Apple Academic Press, Inc.

[3] John Swarbrooke (1999). *Sustainable Tourism Management*. CAB International

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

[1] Elearning.hiu.vn.

[2] Classroom.google.com.

[3] You Tube

[4] Google

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubric 2	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần và tham gia hoạt động học tập	Điểm danh, ý thức học tập và tham gia hoạt động học tập	Rubric 1	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Kết quả tự học – Bài tập nhóm	Rubric 2	10%
	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm	Rubric 3	25%
Kết thúc học phần	Báo cáo	Tiểu luận nhóm/ thực hành	Rubric 4	60%

9. MA TRẬN (Matrix):

Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1			P	P								
CLO2			P	P								
CLO3			P	P								
CLO4			P	P								
CLO5											P	P
CLO6										P		

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

10. RUBRIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):

Rubric 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần và tham gia hoạt động học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần đến lớp	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp.	Hiếm khi tham gia phát biểu đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	50%

Rubric 2: Đánh giá kết quả tự học – Bài tập nhóm (kiểm tra thường xuyên).

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	

Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng bài tập được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	20%

			chú, kích thước).			
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	40%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	

	(0-3.9)					
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	40%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	20%
Thuyết trình	Trình bày	Bài trình bày đầy	Phần trình bày có bố	Phần trình bày ngắn	Phần trình bày ngắn	20%

	không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ.	đủ, giọng nói nhỏ, phát âm một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	gọn, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Thời gian trình bày đúng quy định.	
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành	20%

			kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	viên khác của nhóm.	
--	--	--	--	--	------------------------	--

Rubric 4: Thang điểm chấm bài tiểu luận nhóm cuối kỳ

Thang điểm chấm bài tiểu luận nhóm (theo thang điểm 10) được thiết kế theo mẫu

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (*Student support*)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học qua nhóm online.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ lienltk@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào các ngày trong tuần tại Văn phòng khoa Kinh tế – Quản trị.

Tp.HCM, ngày tháng năm 202

Trưởng Khoa

P. Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Trương Thị Xuân Đà